

VAI TRÒ CỦA HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ HỌC TẬP ĐỐI VỚI SỰ TỰ TIN KHI NÓI TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN TRONG LỚP HỌC KẾT HỢP TẠI ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Nghiêm Thị Thu Hà^{1*}, Đỗ Thị Hạnh²

Tóm tắt. Bài báo này nghiên cứu vai trò của các hoạt động hỗ trợ học tập trong việc nâng cao sự tự tin khi nói tiếng Anh của sinh viên không chuyên hệ cao đẳng trong môi trường lớp học kết hợp (blended learning) tại Đại học Công nghiệp Hà Nội. Dữ liệu được thu thập thông qua bảng khảo sát với 136 sinh viên hệ cao đẳng thuộc các ngành Điện công nghiệp, Cơ khí và Ô tô kết hợp với phỏng vấn bán cấu trúc với 10 sinh viên được lựa chọn có chủ đích. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn sinh viên đánh giá tích cực vai trò của các hoạt động hỗ trợ học tập như thảo luận nhóm, phản hồi cá nhân từ giảng viên và thực hành nói qua video trong việc giúp họ giảm lo lắng và nâng cao sự tự tin khi giao tiếp bằng tiếng Anh. Kết quả phỏng vấn cũng chỉ ra rằng các hoạt động hỗ trợ học tập không chỉ giúp sinh viên củng cố kiến thức ngôn ngữ mà còn tạo môi trường học tập an toàn, khuyến khích người học tham gia nói tiếng Anh tích cực hơn. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất việc tích hợp linh hoạt các hoạt động hỗ trợ học tập có tính tương tác và phản hồi cá nhân hóa trong thiết kế lớp học kết hợp nhằm góp phần nâng cao sự tự tin khi nói tiếng Anh cho sinh viên hệ cao đẳng tại Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Từ khóa: vai trò, hoạt động hỗ trợ học tập, sự tự tin, kỹ năng nói tiếng Anh, lớp học kết hợp.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh, đặc biệt là kỹ năng nói, ngày càng trở thành nhu cầu thiết yếu đối với sinh viên đại học tại Việt Nam. Tuy nhiên, các nghiên cứu cũng như thực tiễn giảng dạy cho thấy sinh viên Việt Nam thường gặp khó khăn trong việc giao tiếp tiếng Anh do thiếu sự tự tin, dù có kiến thức ngôn ngữ cơ bản (Nguyen & Tran, 2020). Sự thiếu tự tin này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả học tập mà còn hạn chế khả năng tham gia vào các hoạt động học tập mang tính tương tác trong lớp học. Sự tự tin khi nói không chỉ phụ thuộc vào năng lực ngôn ngữ mà còn liên quan mật thiết đến môi trường học tập, sự hỗ trợ từ giảng viên, và cơ hội thực hành ngôn ngữ (Tuan, 2011). Do đó, việc thiết kế các hoạt động dạy học có tính hỗ trợ phù hợp được xem là một trong những giải pháp quan trọng nhằm giảm lo âu và thúc đẩy sự tự tin khi giao tiếp bằng ngoại ngữ.

Trong những năm gần đây, mô hình lớp học kết hợp (blended learning) đã được áp dụng rộng rãi tại các trường đại học tại Việt Nam như một giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy tiếng Anh. Tuy nhiên, mô hình này cũng đặt ra thách thức về cách thiết kế các hoạt động học tập sao cho vừa phát huy tính chủ động của người học, vừa hỗ trợ hiệu quả kỹ năng giao tiếp, đặc biệt là kỹ năng nói – một kỹ năng đòi hỏi tương tác thực tế và sự tự tin cao (Garrison & Vaughan, 2008).

Các nghiên cứu quốc tế cho thấy việc tích hợp các hoạt động hỗ trợ học tập như cung cấp mẫu ngôn ngữ, phản hồi cá nhân hóa, thảo luận nhóm, và thực hành nói thông qua công nghệ có thể góp phần nâng cao mức độ tham gia và sự tự tin của người học khi nói tiếng Anh (Lee, 2016). Tuy nhiên, tại Việt Nam, các nghiên cứu về vai trò của hoạt động hỗ trợ học tập trong việc nâng cao sự tự tin khi nói tiếng Anh trong bối cảnh lớp học kết hợp, đặc biệt với đối tượng sinh viên hệ cao đẳng không chuyên ngữ, vẫn còn hạn chế. Vì

Ngày nhận bài: 18/11/2025 Ngày chỉnh sửa: 22/12/2025. Ngày nhận đăng: 10/01/2026.

^{1,2}Đại học Công nghiệp Hà Nội

*Tác giả liên hệ: Nghiêm Thị Thu Hà, e-mail: hantt@haui.edu.vn

vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu: (1) Các hoạt động hỗ trợ học tập thường dùng; (2) Vai trò của các hoạt động hỗ trợ học tập trong việc nâng cao sự tự tin khi nói tiếng Anh của sinh viên. Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần bổ sung cơ sở lý luận về vai trò của hỗ trợ học tập trong giảng dạy kỹ năng nói tiếng Anh, mà còn cung cấp những gợi ý thực tiễn cho việc thiết kế và triển khai các hoạt động hỗ trợ phù hợp trong mô hình lớp học kết hợp tại các cơ sở giáo dục đại học và cao đẳng ở Việt Nam.

2. Hỗ trợ học tập đối với sự tự tin khi nói tiếng Anh của sinh viên

Kỹ năng nói tiếng Anh: được xem là một trong những thành tố cốt lõi của năng lực giao tiếp và đã được nhiều học giả định nghĩa từ các góc độ khác nhau. Theo Brown (1994), kỹ năng nói là khả năng tạo ra ngôn ngữ bằng lời nói một cách chính xác, lưu loát và phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp, đồng thời thể hiện quá trình chuyển đổi ý tưởng thành phát ngôn mạch lạc trong thời gian thực. Burns & Joyce (1997) xem nói là một hoạt động mang tính tương tác cao, đòi hỏi người sử dụng phải phối hợp các yếu tố ngôn ngữ như từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm với các yếu tố ngữ dụng như lượt lời, chiến lược sửa lỗi và mức độ phù hợp xã hội. Cùng quan điểm này, Florez (1999) mô tả kỹ năng nói như một quá trình diễn ra liên tục, trong đó người nói phải duy trì sự cân bằng giữa sự lưu loát, chính xác và dễ hiểu để đảm bảo thông điệp được truyền đạt hiệu quả.

Học kết hợp: được xem là phương thức dạy – học tích hợp có chủ đích giữa hoạt động học trực tiếp trên lớp và học trực tuyến nhằm nâng cao tính linh hoạt cũng như hiệu quả học tập. Graham (2006) định nghĩa học kết hợp là sự kết hợp giữa phương pháp giảng dạy truyền thống do giáo viên dẫn dắt và các hình thức học tập được hỗ trợ bởi công nghệ, nhấn mạnh mục tiêu khai thác ưu điểm của cả hai môi trường. Singh (2003) xem học kết hợp là sự phối hợp nhiều hình thức học tập khác nhau - tự học trực tuyến, học đồng bộ qua môi trường ảo và học trực tiếp - giúp người học tiếp cận nội dung một cách cá nhân hóa, linh hoạt và tương tác hơn. Ngoài ra, Hoang Ngoc Tue (2015) cho rằng học kết hợp đề cập đến việc kết hợp giữa học trực tiếp truyền thống và học trực tuyến, tận dụng ưu điểm của cả hai phương pháp để tạo ra trải nghiệm học tập linh hoạt và hiệu quả, cho phép học viên kiểm soát thời gian, địa điểm và tốc độ tiếp thu kiến thức qua các nguồn đa dạng như video, bài giảng số, diễn đàn online, mang lại sự tiện lợi và tiết kiệm hơn. Nhìn chung, các nghiên cứu đều thống nhất rằng học kết hợp là một cách tiếp cận mang tính sư phạm, tận dụng sự hỗ trợ giữa công nghệ số và dạy học truyền thống để tạo nên trải nghiệm học tập đa dạng, hiệu quả và lấy người học làm trung tâm.

Hỗ trợ học tập: Gibbons (2002) ví hỗ trợ học tập như một giàn giáo tạm thời thường được dựng lên trong quá trình xây dựng một tòa nhà. Giàn giáo này sẽ được tháo dỡ khi từng phần của tòa nhà hoàn thành. Hỗ trợ học tập chỉ mang tính tạm thời, nhưng lại cần thiết cho quá trình xây dựng. Scheb-Buenner (2013) cho rằng hỗ trợ học tập có thể được hiểu là một hình thức hướng dẫn hoặc hỗ trợ do người có kinh nghiệm cung cấp, nhằm giúp người học hoặc người mới đạt được những nhiệm vụ nằm hơi vượt ngoài khả năng hiện tại của họ. Trong môi trường giáo dục, hỗ trợ học tập là quá trình giáo viên cung cấp sự hỗ trợ và hướng dẫn tạm thời ở giai đoạn đầu của bài học, để người học có thể dần phát triển kiến thức và kỹ năng của mình; khi đó sự hỗ trợ có thể được rút dần đi (Mulatsih, 2011). Hỗ trợ học tập có thể bao gồm các mô hình, gợi ý, câu hỏi gợi mở, hướng dẫn một phần, suy nghĩ thành lời và hướng dẫn trực tiếp (Yau, 2007). Vì thế, hỗ trợ học tập giúp người học học cách giải quyết vấn đề, hoàn thành nhiệm vụ và đạt được mục tiêu.

Lợi ích của các chiến lược hỗ trợ học tập: Các chiến lược hỗ trợ học tập đã được chứng minh mang lại nhiều lợi ích quan trọng đối với quá trình tiếp thu kiến thức và phát triển kỹ năng của người học. Theo Van Der Stuyf (2002), hỗ trợ học tập có thể giúp học sinh tích cực tham gia vào quá trình học. Họ có cơ hội học tập một cách chủ động với sự hỗ trợ và phản hồi tích cực từ giáo viên. Ngoài ra, hỗ trợ học tập được cho là giúp giảm bớt mức độ thất vọng và lo lắng của học sinh – những yếu tố có thể khiến họ ngại tham gia vào các hoạt động trên lớp. Bên cạnh đó, việc giảng dạy có sử dụng các hoạt động hỗ trợ học tập còn tạo ra một môi trường học tập tích cực hơn, đồng thời mở rộng phạm vi giáo dục, giúp người học đạt được những mục tiêu học tập phù hợp với năng lực và nhu cầu của họ (Sawyer, 2006). Ngoài ra, theo Pintrich (2000), các chiến lược động lực như đặt mục tiêu, duy trì hứng thú và quản lý cảm xúc góp phần nâng cao động lực nội tại, từ đó cải thiện kết quả học tập lâu dài. Nhìn chung, các nghiên cứu đều cho thấy rằng việc áp dụng các chiến lược hỗ trợ học tập không chỉ giúp tối ưu hóa quá trình tiếp thu kiến thức mà còn thúc đẩy năng lực tự

học, tư duy phản biện và hiệu suất học tập tổng thể của người học.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Bối cảnh nghiên cứu

Nội dung khảo sát được thực hiện tại ĐHCNHN với sinh viên năm thứ hai và năm thứ ba hệ cao đẳng thuộc các ngành Điện công nghiệp, Cơ khí và Ô tô. Những sinh viên này cùng học học phần tiếng Anh cơ bản. Khảo sát được tiến hành với 6 lớp học (mỗi lớp có 25-30 SV), bao gồm Cơ khí 1.1 K26, Cơ khí 1.2 K26, Điện 1.1 K26, Điện 2.1 K26, Ô tô 1.1 K26, Ô tô 2.2 K26. Các phòng học đều đạt chuẩn và được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết cho việc dạy và học tiếng Anh như máy chiếu, loa, micro, Internet.

3.2. Đối tượng tham gia

Nghiên cứu trên 136 SV năm thứ hai và năm thứ ba hệ Cao đẳng các ngành Điện công nghiệp, Cơ khí, Ô tô học tại Trường ĐHCN. Các SV này trong độ tuổi từ 18 đến 20, không phân biệt vùng miền, giới tính hoặc tôn giáo. Tất cả SV đều được chọn ngẫu nhiên, không có sự can thiệp hay lựa chọn cố ý từ giảng viên nhằm đảm bảo tính khách quan của kết quả nghiên cứu, phản ánh đúng diễn biến của các hiện tượng tâm lý và xã hội học tự nhiên. Trước khi tham gia nghiên cứu, tất cả SV được thông báo rõ mục đích nghiên cứu và cam kết tự nguyện tham gia.

3.3. Quy trình thực hiện nghiên cứu

Quy trình nghiên cứu được thiết kế và triển khai qua hai giai đoạn chính nhằm thu thập dữ liệu định lượng thông qua khảo sát và thu thập dữ liệu định tính bằng phỏng vấn sâu. Khảo sát thu thập dữ liệu định lượng được thực hiện ở giai đoạn 1 (vào tuần học thứ 2). Ở giai đoạn này, một cuộc khảo sát sơ bộ được tiến hành nhằm đánh giá về mức độ tự tin ban đầu của sinh viên khi nói tiếng Anh mà chưa có sự hỗ trợ học tập nào. Vào giai đoạn 2 (Sau tuần học thứ 9): Sau khi sinh viên hoàn thành bài kiểm tra vấn đáp, một cuộc khảo sát tiếp theo được thực hiện nhằm đánh giá hiệu quả của hoạt động hỗ trợ học tập trong môi trường lớp học kết hợp đối với sự tự tin nói tiếng Anh của người học.

Dữ liệu được thu thập thông qua một bảng khảo sát gồm các ý hỏi, tập trung vào các nội dung chính: thông tin cá nhân, các hoạt động hỗ trợ học tập trong lớp học kết hợp và vai trò của những hoạt động đó trong việc nâng cao sự tự tin khi nói tiếng Anh của sinh viên. Các câu hỏi được đánh giá theo thang đo Likert 5 mức: (1) rất không hiệu quả, (2) không hiệu quả, (3) trung lập, (4) hiệu quả và (5) rất hiệu quả. Bảng khảo sát được gửi tới các lớp dưới sự hỗ trợ của đội ngũ giảng viên để thu thập ý kiến phản hồi và đánh giá của sinh viên. Sau đó, nhóm nghiên cứu chọn ra 10 sinh viên để thực hiện phỏng vấn, tìm hiểu sâu hơn cảm nhận của sinh viên về vai trò của hoạt động hỗ trợ học tập trong việc nâng cao sự tự tin khi nói tiếng Anh của sinh viên trong lớp học kết hợp.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thông tin nhân khẩu học

Bảng 1. Thông tin nhân khẩu học

Đặc điểm	Phân loại	Số lượng	Phần trăm
Giới tính	Nam	128	94,1%
	Nữ	8	5,9%
Năm học	Năm 1	0	0%
	Năm 2-3	136	100%
Trình độ tiếng Anh	Khá	26	19,1%
	Trung cấp	110	80,9%
Đã từng học lớp học kết hợp	Có	32	23,5%
	Không	104	76,5%

Kết quả cho thấy, có 128 nam (94,1%) và 8 nữ (5,9%) tham gia khảo sát. Tất cả những người tham gia (100%) đều là sinh viên năm hai và năm ba, thuộc nhóm đã có nền tảng học tiếng Anh cơ bản và kinh

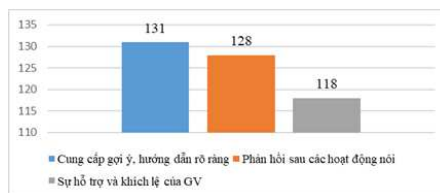
nghiệm học tập trong môi trường đại học.

Về trình độ tiếng Anh, có 26 sinh viên (19,1%) đạt mức khá, trong khi 110 sinh viên (80,9%) ở trình độ trung cấp hoặc sơ cấp. Điều này cho thấy phần lớn người tham gia có năng lực tiếng Anh ở mức trung bình hoặc cơ bản, do đó các hoạt động hỗ trợ học tập trong lớp học kết hợp được kỳ vọng sẽ giúp họ nâng cao sự tự tin khi nói tiếng Anh.

Về kinh nghiệm học tập, chỉ có 32 sinh viên (23,5%) từng tham gia lớp học kết hợp trước đó, trong khi 104 sinh viên (76,5%) chưa có kinh nghiệm với hình thức này. Tỷ lệ cao sinh viên chưa từng học kết hợp cho thấy phần lớn người tham gia còn mới mẻ với mô hình học này.

4.2. Các hoạt động hỗ trợ học tập

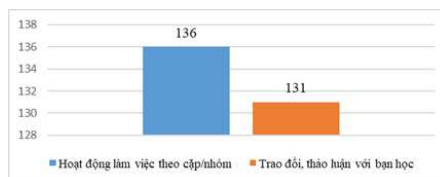
Hoạt động hỗ trợ từ giảng viên



Biểu đồ 1. Hoạt động hỗ trợ từ giảng viên

Kết quả khảo sát cho thấy trong lớp học kết hợp, các hình thức hỗ trợ mang tính cụ thể và trực tiếp từ giảng viên, đặc biệt là hướng dẫn rõ ràng và phản hồi sau hoạt động nói (với 131 và 128 lượt bình chọn), đóng vai trò quan trọng trong việc giúp sinh viên giảm lo lắng và nâng cao sự tự tin khi nói tiếng Anh. Ngược lại, các hình thức hỗ trợ và khích lệ tinh thần từ giảng viên, dường như chưa được sinh viên cảm nhận mạnh mẽ bằng các hỗ trợ mang tính học thuật, với chỉ 118 sinh viên lựa chọn.

Hoạt động hỗ trợ thông qua tương tác và hợp tác

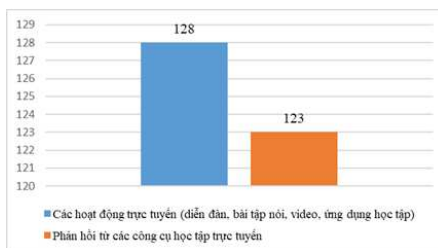


Biểu đồ 2. Hoạt động hỗ trợ thông qua tương tác và hợp tác

Hoạt động hỗ trợ học tập thông qua tương tác có vai trò quan trọng trong việc nâng cao sự tự tin khi nói tiếng Anh của sinh viên trong lớp học kết hợp. Cụ thể, hoạt động làm việc theo cặp/nhóm nhận được mức độ đồng thuận cao nhất (136 lượt lựa chọn), cho thấy việc thực hành nói trong nhóm nhỏ giúp sinh viên giảm áp lực tâm lý và cảm thấy thoải mái hơn khi sử dụng tiếng Anh. Bên cạnh đó, hoạt động trao đổi, thảo luận với bạn học cũng được đánh giá tích cực (131 lượt lựa chọn), phản ánh rằng sự tương tác ngang hàng tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng nói trong môi trường ít căng thẳng, từ đó góp phần nâng cao sự tự tin khi giao tiếp bằng tiếng Anh.

Hoạt động hỗ trợ trong môi trường học tập kết hợp

Kết quả khảo sát cho thấy các hoạt động hỗ trợ học tập trong môi trường trực tuyến đóng vai trò tích cực trong việc nâng cao sự tự tin khi nói tiếng Anh của sinh viên trong lớp học kết hợp. Cụ thể, các hoạt động trực tuyến như diễn đàn, bài tập nói, video và ứng dụng học tập nhận được mức độ đồng thuận cao hơn (128 lượt lựa chọn), cho thấy việc được luyện nói thường xuyên trong môi trường linh hoạt giúp sinh viên cảm thấy chủ động và tự tin hơn khi sử dụng tiếng Anh. Bên cạnh đó, phản hồi từ các công cụ học tập trực tuyến cũng được đánh giá tích cực (123 lượt lựa chọn), phản ánh rằng phản hồi kịp thời và cá nhân hóa góp phần hỗ trợ sinh viên nhận diện tiến bộ của bản thân, từ đó tăng sự tự tin khi giao tiếp bằng tiếng Anh.



Biểu đồ 3. Hoạt động hỗ trợ trong môi trường học tập kết hợp

4.3. Vai trò của hoạt động hỗ trợ học tập trong lớp học kết hợp đối với sự tự tin của SV khi nói tiếng Anh

Hỗ trợ từ giảng viên

Bảng 2. Sự hỗ trợ từ giảng viên

Hỗ trợ từ giảng viên	1 (Rất không hiệu quả)	2 (Không hiệu quả)	3 (Trung lập)	4 (Hiệu quả)	5 (Rất hiệu quả)
1. Cung cấp gợi ý, hướng dẫn rõ ràng	0 (0%)	0 (0%)	20 (14.7%)	44 (32.4%)	72 (52.9%)
2. Phản hồi của GV sau các hoạt động nói	0 (0%)	0 (0%)	20 (14.7%)	40 (29.4%)	76 (55.9%)
3. Sự hỗ trợ và khích lệ của GV	0 (0%)	0 (0%)	16 (11.7%)	48 (35.4%)	72 (52.9%)

Thông qua khảo sát, sinh viên cho biết sự hỗ trợ của giảng viên có ảnh hưởng tích cực đến sự tự tin của họ khi nói tiếng Anh. Phần lớn sinh viên đánh giá các hoạt động hỗ trợ ở mức hiệu quả và rất hiệu quả, đặc biệt là việc cung cấp hướng dẫn rõ ràng và phản hồi sau các hoạt động nói. Tỷ lệ đánh giá rất hiệu quả cao (trên 50%) cho thấy phản hồi mang tính xây dựng cùng sự khích lệ từ giảng viên giúp sinh viên giảm lo lắng, nhận thức rõ năng lực bản thân và tự tin hơn khi giao tiếp bằng tiếng Anh. Điều này khẳng định vai trò then chốt của giảng viên trong việc tạo môi trường học tập tích cực và hỗ trợ cho kỹ năng nói của sinh viên.

Hoạt động hỗ trợ thông qua tương tác và hợp tác

Bảng 3. Hoạt động hỗ trợ thông qua tương tác và hợp tác

Hoạt động hỗ trợ thông qua tương tác và hợp tác	1 (Rất không hiệu quả)	2 (Không hiệu quả)	3 (Trung lập)	4 (Hiệu quả)	5 (Rất hiệu quả)
4. Hoạt động làm việc theo cặp/nhóm	0 (0%)	0 (0%)	20 (14.7%)	46 (33.8%)	70 (51.5%)
5. Trao đổi, thảo luận với bạn học	0 (0%)	0 (0%)	24 (17.6%)	52 (38.2%)	60 (44.2%)

Nhìn vào bảng ta thấy, các hoạt động hỗ trợ thông qua tương tác và hợp tác với bạn học có vai trò tích cực trong việc nâng cao sự tự tin khi nói tiếng Anh của sinh viên. Hoạt động làm việc theo cặp/nhóm được 85,3% sinh viên đánh giá ở mức hiệu quả và rất hiệu quả, cho thấy môi trường giao tiếp mang tính hợp tác giúp sinh viên giảm áp lực và tăng cơ hội thực hành nói. Tương tự, hoạt động trao đổi và thảo luận với bạn học cũng nhận được đánh giá tích cực từ đa số sinh viên, phản ánh rằng sự tương tác thường xuyên với bạn học tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng nói trong bối cảnh ít căng thẳng hơn.

Những kết quả này khẳng định tính hiệu quả của học tập hợp tác trong việc phát triển kỹ năng nói. Người học có thể phát triển năng lực ngôn ngữ thông qua tương tác xã hội trong vùng phát triển gần. Sự hỗ trợ từ bạn bè không chỉ giúp giảm căng thẳng khi nói mà còn tạo cơ hội để học viên chia sẻ chiến lược và mô hình ngôn ngữ thực tế, qua đó tăng tính tự nhiên trong giao tiếp (Vygotsky, 1978).

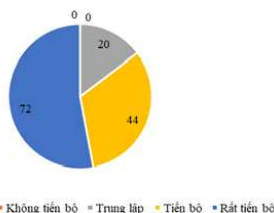
Hỗ trợ từ công cụ và hoạt động học tập

Bảng 4. Sự hỗ trợ từ các công cụ và hoạt động học tập

Hỗ trợ từ công cụ và hoạt động học tập	1 (Rất không hiệu quả)	2 (Không hiệu quả)	3 (Trung lập)	4 (Hiệu quả)	5 (Rất hiệu quả)
6. Các hoạt động trực tuyến (diễn đàn, bài tập nói, video, ứng dụng học tập)	0 (0%)	0 (0%)	24 (17.6%)	42 (30.9%)	70 (51.5%)
7. Phản hồi từ các công cụ học tập trực tuyến	0 (0%)	0 (0%)	26 (19.1%)	40 (29.4%)	70 (51.5%)

Kết quả từ bảng biểu cho thấy, các công cụ và hoạt động học tập hỗ trợ có tác động tích cực đến sự tự tin của sinh viên khi nói tiếng Anh. Phần lớn sinh viên đánh giá các hoạt động trực tuyến như diễn đàn, bài tập nói, video và ứng dụng học tập ở mức hiệu quả và rất hiệu quả (82,4%), cho thấy môi trường học tập linh hoạt giúp sinh viên chủ động luyện nói và giảm áp lực giao tiếp trực tiếp. Bên cạnh đó, phản hồi từ các công cụ học tập trực tuyến cũng được đa số sinh viên đánh giá tích cực, phản ánh vai trò của phản hồi tức thời trong việc giúp sinh viên nhận diện tiến bộ và cải thiện khả năng nói. Những kết quả này phù hợp với xu hướng ứng dụng công nghệ trong dạy và học ngoại ngữ, nơi công cụ số được xem là nguồn hỗ trợ học tập linh hoạt và hiệu quả (Godwin-Jones, 2018). Các phương tiện như chatbot và video hướng dẫn không chỉ giúp người học thực hành nói ngoài lớp học, mà còn tạo môi trường an toàn, không áp lực, từ đó thúc đẩy sự tự tin và chủ động.

Tiến bộ học tập



Biểu đồ 4. Sự tiến bộ trong học tập của sinh viên

Kết quả cho thấy 52,9% người học cho rằng họ cảm thấy tiến bộ khi được hỗ trợ từng bước. Kết quả này cho thấy người học nhận thức rõ tiến bộ của bản thân khi được hỗ trợ phù hợp – một yếu tố quan trọng trong tăng cường tự hiệu quả và duy trì động lực học tập lâu dài (Bandura, 1997).

Kết quả tổng hợp cho thấy nhận thức tích cực của người học về vai trò của hỗ trợ trong phát triển kỹ năng nói tiếng Anh. Trong đó, nhóm hỗ trợ từ giáo viên đạt tỷ lệ cao nhất, cho thấy vai trò trung tâm của giáo viên trong việc định hướng, cung cấp phản hồi và tạo cảm giác an toàn khi giao tiếp. Mặc dù tỷ lệ đồng ý cao, vẫn còn khoảng 15–18% người học chưa nhận thấy rõ tác động của các hình thức hỗ trợ, cho thấy sự khác biệt cá nhân trong cách tiếp nhận và sử dụng hỗ trợ học tập. Điều này gợi ý rằng giáo viên cần đa dạng hóa hình thức hỗ trợ học tập, kết hợp linh hoạt giữa hỗ trợ trực tiếp, công nghệ và hợp tác nhóm để tối ưu hóa hiệu quả học nói.

4.4. Kết quả phỏng vấn

Qua phỏng vấn 10 sinh viên, hầu hết đều cho rằng các hoạt động hỗ trợ học tập đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc tăng sự tự tin khi luyện nói tiếng Anh trong lớp học kết hợp. Một số sinh viên, như P.H.B.N và D.H.M, chia sẻ rằng những gợi ý về từ vựng và sửa lỗi phát âm trực tiếp từ giáo viên giúp họ cảm thấy tự tin hơn khi bắt đầu nói. Tương tự, sinh viên N.V.V, L.V.T và B.H.Q cho biết những lời động

viên kịp thời là yếu tố then chốt khiến em mạnh dạn phát biểu. Ngoài hỗ trợ từ giáo viên, nhiều sinh viên như N.B.M, N.M.K và L.V.L đánh giá cao hoạt động nhóm và làm việc theo cặp, vì môi trường này giúp giảm lo lắng và tạo cơ hội luyện tập trước khi trình bày trước lớp. Những ý kiến trên cho thấy hỗ trợ học tập giúp sinh viên cảm thấy an toàn, được đồng hành và có thêm động lực trong quá trình nói tiếng Anh.

Kết quả phỏng vấn từ sinh viên cho thấy mức độ đánh giá hỗ trợ học tập từ giáo viên nhìn chung là tích cực, với các mô tả như “tốt”, “rất tốt”, “kịp thời” và “dễ hiểu”. Điều này phản ánh rằng chất lượng hỗ trợ học tập trong lớp học kết hợp đã đáp ứng được nhu cầu của người học. Hai dạng hỗ trợ nổi bật được sinh viên nhắc đến là: phản hồi miệng tức thời, như ý kiến của L.V.T và P.H.B.N, giúp sinh viên xác định lỗi và điều chỉnh ngay lập tức; và gợi ý từ vựng, được L.Đ.T, N.B.M và N.V.V xem là yếu tố “hiệu quả nhất” để duy trì mạch nói trong các hoạt động giao tiếp. Những phát hiện này củng cố nhận định rằng trong kĩ năng nói, đặc biệt ở môi trường học kết hợp, sự hiện diện của giáo viên và phản hồi tức thời có vai trò thiết yếu. Chúng không chỉ hỗ trợ nhận diện và sửa lỗi, mà còn tác động đến yếu tố cảm xúc, góp phần hình thành sự tự tin và giảm lo lắng khi nói tiếng Anh.

Các câu trả lời về khó khăn gặp phải cho thấy, sinh viên vẫn đối mặt với nhiều dạng lo lắng khi nói tiếng Anh. Sinh viên B.H.Q, L.V.T và D.H.M thừa nhận rằng thiếu từ vựng khiến em “rất khó bắt đầu câu”, trong khi Đ.H.T và N.V.V cho biết em sợ mắc lỗi và “cảm thấy áp lực khi phải nói trước đám đông”. Một số sinh viên khác, như T.V.H, N.B.M, P.H.B.N và L.Đ.T chia sẻ rằng phát âm chưa tốt và việc thiếu chuẩn bị trước nhiệm vụ nói làm tăng mức độ lo âu. Bên cạnh đó, sinh viên N.M.K và L.V.L cho rằng tốc độ nói nhanh của bạn bè khiến em “khó theo kịp và dễ bị cuốn”. Những ý kiến này cho thấy người học không chỉ gặp trở ngại về năng lực ngôn ngữ (từ vựng, phát âm, cấu trúc) mà còn chịu ảnh hưởng mạnh từ yếu tố tâm lý và bối cảnh giao tiếp. Điều này nhấn mạnh nhu cầu cần thiết của các dạng hỗ trợ mang tính định hướng, mô hình hóa và tạo môi trường tâm lý an toàn. Những hình thức hỗ trợ này đóng vai trò quan trọng trong việc giảm căng thẳng, củng cố sự tự tin và giúp sinh viên thực hiện nhiệm vụ nói hiệu quả hơn trong lớp học kết hợp.

Cuối cùng, các đề xuất của sinh viên chủ yếu tập trung vào việc tăng cơ hội luyện nói, mở rộng hoạt động nhóm/cặp, bổ sung bài mẫu và tăng cường hỗ trợ từ giáo viên. Sinh viên L.Đ.T, L.V.L và T.V.H cho rằng “nếu có thêm bài mẫu thì em tự tin hơn trước khi thực hành”, trong khi T.V.H, N.B.M và N.M.K mong muốn có nhiều thời gian làm việc nhóm để luyện tập trước khi trình bày. Một số sinh viên khác cũng đưa ra đề xuất, cụ thể L.P.H, B.H.Q và P.H.B.N đề nghị “tăng thêm phản hồi cá nhân sau mỗi bài nói” để biết rõ điểm mạnh và điểm cần cải thiện. Những ý kiến này cho thấy sinh viên kỳ vọng hệ thống hỗ trợ mang tính tuần tự, bao gồm: chuẩn bị trước, hỗ trợ trong khi thực hành và phản hồi sau hoạt động. Từ góc độ phân tích định tính, các đề xuất được nhóm lại thành ba chủ đề chính: (1) nhu cầu tăng thời gian và cơ hội thực hành giao tiếp, (2) mong muốn được cung cấp tài liệu định hướng rõ ràng trước khi nói, và (3) nhu cầu phản hồi cá nhân hóa sau hoạt động. Điều này khẳng định rằng lớp học kết hợp chỉ đạt hiệu quả tối ưu khi giáo viên thiết kế hệ thống hỗ trợ liên tục và phù hợp với năng lực cũng như nhu cầu thực tế của người học.

Tóm lại, hỗ trợ học tập có tác động sâu sắc đến mức độ tự tin, khả năng tham gia hoạt động nói và sự tiến bộ của sinh viên trong lớp học kết hợp. Sự hỗ trợ phù hợp không chỉ giúp giảm lo âu mà còn tạo nền tảng để người học phát triển kĩ năng giao tiếp một cách bền vững.

5. Kết luận

Nghiên cứu này đã cung cấp những bằng chứng quan trọng khẳng định giá trị của việc thiết kế các hoạt động có tính tương tác và phản hồi cá nhân hóa trong phát triển kĩ năng giao tiếp tiếng Anh cho sinh viên hệ cao đẳng tại Trường ĐHCNHN.

Kết quả phân tích từ bảng hỏi và phỏng vấn cho thấy rằng các hoạt động hỗ trợ học tập, bao gồm mẫu ngôn ngữ, hướng dẫn từng bước, luyện tập theo cặp/nhóm, nhiệm vụ nói có cấu trúc, và phản hồi cá nhân hóa, có tác động trực tiếp và tích cực đến sự tự tin khi giao tiếp bằng tiếng Anh của sinh viên. Trong môi trường lớp học kết hợp, sự kết hợp giữa hỗ trợ trực tuyến và hỗ trợ trực tiếp tạo ra không gian học tập linh hoạt, giúp sinh viên chuẩn bị tốt hơn trước khi thực hành nói, đồng thời giảm mức độ lo âu và áp lực trong giao tiếp. Sinh viên cũng cho biết rằng việc có cơ hội luyện tập theo nhóm nhỏ, nhận phản hồi mang tính nâng đỡ, và được tiếp cận học liệu trực tuyến trước buổi học giúp họ tự tin hơn khi trình bày trước lớp.

Nhìn chung, nghiên cứu chỉ ra rằng việc tích hợp linh hoạt và có chủ đích các hoạt động hỗ trợ học tập là yếu tố quan trọng giúp phát triển năng lực giao tiếp tiếng Anh, đồng thời cải thiện sự tự tin của sinh viên trong mô hình lớp học kết hợp. Điều này đặc biệt cần thiết trong bối cảnh đổi mới phương pháp giảng dạy và chuyển đổi số trong giáo dục đại học hiện nay.

Dựa trên kết quả nghiên cứu, một số kiến nghị được đưa ra nhằm nâng cao hiệu quả hỗ trợ học tập trong lớp học kết hợp. Đối với giảng viên, việc áp dụng mô hình hỗ trợ học tập toàn diện trong thiết kế bài giảng là cần thiết. Bên cạnh đó, việc sử dụng đa dạng các hình thức phản hồi, bao gồm phản hồi trực tiếp, trực tuyến và phản hồi đồng đẳng, cùng với việc điều chỉnh mức hỗ trợ phù hợp với từng trình độ và phong cách học tập sẽ giúp tối ưu hóa quá trình phát triển kỹ năng nói của sinh viên. Ở cấp độ nhà trường và khoa, cần tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng công nghệ phục vụ lớp học kết hợp, bao gồm phòng học thông minh và hệ thống LMS ổn định; đồng thời tổ chức xây dựng kho học liệu số hỗ trợ luyện nói và tự học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Alvarez, E. V. & Chang, Y. H. (2024). Blended Learning and Its Impact on English Speaking Skills in Pronunciation in Group 11-4 of Liceo de Santo Domingo, I Quarter 2024. *Ciencia y Reflexión*, 3(2), 158–173. <https://doi.org/10.70747/cr.v3i2.18>
- [2] Bandura, A. (1997). Self-efficacy: The exercise of control. W. H. Freeman.
- [3] Brown (1994) Brown, H. D. (1994). *Principles of Language Learning and Teaching*. Upper Saddle River, NJ: Prentice Hall.
- [4] Burns & Joyce (1997) Burns, A. and Joyce, H. (1997). *Focus on Speaking*. National Centre for English Language Teaching and Research, Sydney.
- [5] Florez (1999) Florez, M. (1999). *Improving Adult English Language Learners' Speaking Skills*. National Center for ESL Literacy Education, 1-4.
- [6] Garrison, D. R., & Vaughan, N. D. (2008). *Blended learning in higher education: Framework, principles, and guidelines*. John Wiley & Sons.
- [7] Gibbons, P. (2002) *Scaffolding Language, Scaffolding Learning: Teaching Second Language Learners in the Mainstream Classroom*. Heinemann, Portsmouth.
- [8] Godwin-Jones, R. (2018). Emerging technologies: Using mobile and wearable technologies for language learning. *Language Learning & Technology*, 22(3), 2–11.
- [9] Graham, C.R. (2006). *Blended Learning Systems: Definition, Current Trends, and Future Directions*. In *Handbook of blended learning: Global perspectives, local designs* (pp.3-21), Publisher: Pfeiffer Publishing.

ABSTRACT

The Role of Scaffolding Activities in Enhancing Students' Confidence in English Speaking in Blended Learning Classes at Hanoi University of Industry

This study investigates the role of scaffolding activities in enhancing students' confidence in English speaking in a blended learning environment at Hanoi University of Industry. Data were collected through a questionnaire administered to 136 students majoring in Industrial Electricity, Mechanical Engineering, and Automotive Engineering, along with semi-structured interviews with 10 purposively selected participants.

The survey results indicate that the majority of students hold positive perceptions of supportive learning activities, such as group discussions, individualized feedback from instructors, and video-based speaking practice, in reducing anxiety and improving their confidence in English communication. Interview findings further reveal that these scaffolding activities not only help students consolidate their knowledge but also create a safe learning environment that encourages more active participation in speaking activities.

Based on these findings, the study recommends the flexible integration of interactive and feedback-oriented scaffolding activities in blended course design to foster English speaking competence among college students at Hanoi University of Industry.

Keywords: *scaffolding; speaking confidence; English speaking; blended learning; higher education.*